

VẬN DỤNG NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRONG TRANH THỜ CỦA NGƯỜI DAO Ở YÊN BÁI VÀO DẠY HỌC MỸ THUẬT TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÒA XÁ, HUYỆN ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

I NGUYỄN THỊ DUNG

Email: dungmt86thcshoaxa@gmail.com

Học viên K11 - Lý luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật, Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

APPLYING THE ART OF SCULPTURE IN WORSHIP PAINTINGS OF THE DAO PEOPLE IN YEN BAI IN TEACHING ART AT HOA XA SECONDARY SCHOOL, UNG HOA DISTRICT, HANOI

TÓM TẮT

ABSTRACT

Nghệ thuật tạo hình là dùng ngôn ngữ đường nét, hình khối, bố cục, màu sắc, không gian... để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đáp ứng nhu cầu về cái đẹp trong đời sống tinh thần, tình cảm của con người. Thông qua nghệ thuật tạo hình, con người được chiêm nghiệm, thưởng thức, đối chiếu bằng tác phẩm để cảm nhận các vấn đề của cuộc sống một cách sâu sắc hơn, từ đó mong muốn tạo ra những giá trị mới. Mà trong đó, nghệ thuật tạo hình dân gian, một dòng chảy mang trong mình những giá trị được kết tinh qua nhiều thế hệ, mang những giá trị truyền thống; mang tính ổn định của dân tộc, tính vận động phát triển của xã hội, đồng thời tiếp thu những giá trị mới; vừa là kết quả của quá trình tích lũy và kế thừa, vừa là kết quả của sự khám phá, tìm tòi, phát hiện và sáng tạo.

The art of sculpture is the use of elements such as lines, shapes, composition, color, and space to create artistic products that meet the aesthetic needs of human spiritual and emotional life. Through sculpture, people experience, appreciate, and reflect on life issues more profoundly by comparing them with artworks, aiming to create new values. Folk sculpture, a stream carrying crystallized values over generations, embodies traditional values, the stability of the nation, and the dynamic development of society. It serves as the result of accumulation and inheritance, as well as the outcome of exploration, innovation, and creativity.

Keywords: *Sculpture, Teaching, Fine Arts*

Từ khóa: *Nghệ thuật tạo hình, giảng dạy, môn mỹ thuật*

Đặt vấn đề

Tranh thờ của người Dao ở miền núi phía Bắc Việt Nam là sản phẩm tinh thần đã được tích lũy và lưu truyền qua nhiều thế hệ, phản ánh về vũ trụ, nhân sinh quan của con người. Tranh thờ đã trở thành công cụ, biểu đạt ước mơ, mong ước và niềm tin của cộng đồng người dân về quan hệ giữa người với thiên nhiên, về cuộc sống trong quá trình đấu tranh và sinh tồn. Đồng thời tranh thể hiện tâm lý, quan niệm về cái đẹp, cái xấu của cuộc sống thông qua nghệ thuật tạo hình trong các tác phẩm. Bên cạnh đó, nghệ thuật tranh thờ không giống như những thể loại tranh sáng tác thông thường mà tranh thờ tái hiện lại điều họ cảm nhận, nhận thức bằng tâm linh, tâm thức về thế giới siêu thân và vẽ theo phong cách ước lệ, giả tưởng. Chủ đề tranh thờ mang tư duy triết học, truyền thuyết, huyền thoại.

1. Đề tài và cách xây dựng bố cục trong không gian tạo hình tranh thờ của người Dao

Ở khu vực miền núi phía Bắc có nhiều dân tộc như Tày, Nùng, Dao, Sán Diu, Cao Lan, ... đều có tập tục sử dụng tranh thờ trong các dịp lễ cúng, ma chay. Tranh thờ của đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng miền núi phía Bắc hầu hết đều là tranh tôn giáo, gắn với tín ngưỡng đạo Phật hay đạo Lão, song vẫn mang rõ dấu ấn cội nguồn văn hóa và phong tục tập quán riêng của mỗi dân tộc mình, đặc biệt là dòng tranh thờ của người Dao.

Các vị thần linh thường là chủ đề chính của các bức tranh, mỗi vị thần lại tuân theo một quy tắc xã hội. Nội dung trong tranh thờ cúng của người Dao ở miền núi phía Bắc chứa đựng nhiều giá trị giáo dục, tính nhân văn cao cả cho con người.

Tranh thờ của đồng bào dân tộc Dao ở tỉnh Yên Bái được vẽ theo những quy tắc tranh tượng của tôn giáo. Các nghệ nhân, thầy cúng, họa công, thầy Tào khi vẽ tranh thờ không khao khát quyền tự do diễn đạt của mỗi cá nhân mà chỉ cố gắng thực hiện theo những quy tắc đã được qui định hoá và qui phạm hoá. Bởi vậy, trước mỗi chủ đề "Thánh tượng", người họa công phải tuân thủ nghiêm ngặt vô số các chuẩn mực và đi kèm theo vô số các mẫu mực. Phận sự của người nghệ nhân vẽ tranh thờ là dùng ngôn ngữ nghệ thuật đặc trưng để truyền đạt, chuyên trở một hệ tư tưởng của Đạo giáo, nhằm mục đích xây dựng đức tin và giáo huấn.

Các nhân vật được thể hiện trong tranh là những vị trong thần điện Đạo giáo Trung Quốc, trang phục được vẽ theo lối quy định về trang phục của triều đình phong kiến Trung Quốc, các nhân vật với áo quần phẩm phục triều đình, mặc áo trùm dài, cổ tay rộng buông xuôi với rất nhiều nếp trái đầu đội mũ miện, trên thân áo là tạo hình vân mây, mặt trời, sóng nước và tạo hình đầu rồng rất chi tiết, chân đi hài cao cổ. Các nhân vật phụ là đệ tử, học trò, con dân người thụ giáo, được vẽ trong trang phục của người Dao quần bó, áo dài, chân quần xà cạp, trang phục thường vẽ màu xanh đậm đặc trưng của cộng đồng người Dao trong đời sống.

Xét về mặt bố cục, tranh thờ của dân tộc Dao tuân thủ theo nguyên tắc bố cục của tranh thờ Đạo giáo Trung Quốc. Các tranh được thầy Tào vẽ theo lối tranh trục cuốn dọc, bố cục theo nguyên tắc chính vị, song đôi, nghĩa là vị thần chủ chính trên bức tranh vẽ to choán gần hết bề mặt bức tranh, phía dưới thường có hai chủ tướng, hầu cận quan quân đối xứng theo trục dọc và dàn ngang. Tranh thờ từ to đến nhỏ, từ tranh độc thần đến tranh đa thần, từ tranh đơn đến tranh bộ đều có cấu trúc lớp dọc và dàn ngang như vậy.

Nhìn vào các bức tranh thờ ta thấy những hình ảnh được trình bày tổ hợp trên bề mặt của tranh, đó là sự liệt kê hình ảnh trong không gian mệnh môn của cõi trời rộng lớn bao la các vị thần linh to lớn tọa ở trên cao, trong hoạt động của con người nhỏ bé ở dưới thấp, một không gian tín ngưỡng tháp tùng hoặc hành lễ nơi cõi đất, lại có cả hình ảnh của loài quỷ sứ nơi âm ty địa ngục ... Đó là biểu hiện của không gian đồng hiện, cùng lúc thể hiện thần linh, con người và quỷ sứ ở thời gian không gian khác nhau cùng được nén lại trên một bề mặt tranh để diễn đạt ý tưởng, ý nghĩa sâu xa các giá trị ẩn tàng trong tác phẩm.

Không gian đặc trưng trong tranh thờ của người Dao là Không gian đồng hiện, ở những không gian thời gian khác nhau, thủ pháp dùng nhiều hình ảnh liên hoàn để diễn đạt về một vũ trụ quan trong Đạo giáo, nơi có các vị thần thánh con người và các thế lực quỷ

sứ sâu xa luôn hiện hữu, với phép thuật phi phạm thân tiên ở trên cao quan sát, giám sát mọi hoạt động nơi hạ giới, sẵn sàng trừ yêu diệt quỷ và ra tay thưởng phạt phân minh, để lúc chết hồn có thể về nơi tiên cảnh xum họp với tổ tiên hoặc bị đẩy xuống địa ngục tối tăm nếu là việc xấu, con người nơi trần gian trong mọi hoạt động luôn phải hành sự cho đúng đạo, nơi âm ty quỷ sứ thực hiện bốn phận thi hành những hình phạt khủng khiếp để trừng trị kẻ gây ra cái ác... đặc trưng qua từng bức tranh là không gian đồng hiện, để chuyên trở ngôn ngữ tạo hình của hội họa, đã làm nên những bức tranh thờ với nội dung ẩn chứa sâu xa và hình thức biểu hiện vô cùng độc đáo.

Tranh thờ của người Dao được vẽ theo kiểu tranh dân gian như tranh Hàng Trống, không cần phải thể hiện phối cảnh hay không gian sâu rộng....

Cặp tranh Tứ Trụ Công Tào của người Dao được vẽ theo lối tranh trục cuốn dọc, diễn tả hai vị công tào trên một tranh, với bố cục ước lệ và trong không gian đồng hiện. Một vị ở dưới một vị ở trên, hai vị có kích cỡ tương đối bằng nhau và được thể hiện không chồng lên nhau để tạo lớp. Hai bức tranh được vẽ nhỏ, không giống như các bức tranh khổ lớn là diễn tả chân dung các vị thần chủ, mà thiên về tạo hình diễn tả hành động. Với bố cục độc đáo, các nghệ nhân đã đặt hoạt động với tư thế dang thẳng cánh tay của các vị thần chủ, biểu hiện cho sự chính trực, quyết đoán ngay thẳng trong thực thi nhiệm vụ. Hình ảnh thần chủ cưỡi con vật thiêng được đặt thẳng trong nền tranh chỉ có hoa văn những đám mây, biểu hiện cho không gian của vũ trụ rộng lớn.

Tranh Cầm Trai hay còn gọi là tranh Táo quân được vẽ theo lối trục cuốn dọc, về mặt tạo hình, nhân vật thần chủ được phóng to hơn các nhân vật khác; ở vị trí trung tâm, tư thế ngồi chính diện phía trên bức tranh; hai tay được thể hiện tỷ đều lên mặt bàn. Tất cả đã tạo cho toàn bộ thần chủ là một hình tam giác vững chắc có chiều hướng dồn xuống tạo cảm giác áp chế. Thế nhưng, trang phục áo của thần thường giản dị, hoặc là trang phục gần với của người Dao bản địa. Hai người hầu đang đứng quạt được vẽ nhỏ hai bên thần chủ và chủ yếu là tạo hình khái quát các động tác. Tạo hình các nhân vật đang làm bếp cũng khai thác khái quát dáng lao động, gắn động tác với đồ vật mang cảm để tăng hiệu quả nhận biết của người xem.

Tranh Mặt nạ thần gồm bốn bức tranh nhỏ [H.1.57; PL.1; Tr.130], mỗi bức là chân dung một vị thần chủ. Các thầy cúng tin rằng khi các thầy đeo mặt nạ của thần linh vào mặt các vị thần nhập vào thân các thầy để truyền năng lực phù phép để giúp các thầy có quyền lực linh thiêng kỳ diệu có thể chiêu mộ binh tướng cầm vũ khí trừ được quỷ dữ, tà ma bảo vệ được đàn tràng, và đem

ARTS

được bình an lợi lạc cho thân chủ, người đã mất hoặc truyền pháp thuật huyền bí cho các đệ tử mới thụ giáo.

Tranh Đại Đường Kiền, [H.1.43; PL.1; Tr.126] có khổ hẹp, dài 210 cm và rộng 20cm. Bức tranh được treo theo chiều ngang, các họa công đã diễn tả một đám rước dài với rất nhiều vị thần linh tiêu biểu trong thần điện Đạo giáo, đây là một bức tranh có bố cục liên hoàn, các nhân vật được nối tiếp nhau theo chiều ngang, mỗi phần của tranh có các nhân vật chính làm trọng tâm. Tuy chỉ tạo hình khái quát không diễn tả sâu về dáng, nhưng người nghệ nhân đã tinh tế phác họa các dáng người và hướng đầu trong các trạng thái thẳng, cúi, ngửa người để tạo nên các tư thế khác nhau. Sự thay đổi độ cao của đỉnh đầu, ngọn cờ, khoảng cách các nhân vật tạo thành một đường chuyển động về phía trước, một đường lượn mềm mại.

2. Yếu tố đường nét và màu sắc trong tranh thờ người Dao

Nét bao ngoài là hệ thống nét trong tranh thờ được dùng chủ đạo, sử dụng công năng cơ bản nhất của đường nét khoanh bao nhằm xác định giới hạn của hình ảnh các vị thần chủ. Nét mảnh và dài liên tục làm cho tính ngưng tụ của hình chủ các vị thần thêm hiển hiện và củng cố, nét bao dài giúp tách các thần chủ chính với hầu cận, quần thần. Ngoài ra, trong tranh có sử dụng những nét ngắn, mảnh, loại đường nét này được dùng làm công việc phân giải, chia cắt các bộ phận của hình thể của các vị thần linh, để biểu hiện nhân vật và khối chất của nó. Tranh thờ của người Dao có nguồn gốc từ tranh thờ Đạo giáo, mà theo Đạo giáo, màu sắc chỉ làm thoả mãn nhu cầu chiêm ngưỡng bên ngoài của con người. Trong tranh, yếu tố màu sắc được xếp sau hình và đường nét. Chính vì thế, khả năng vẽ tranh ở đẳng cấp cao nhất chính là đạt tới độ chân thực và sự đơn giản. Màu sắc cũng chỉ cần năm là đủ vì họ theo quan niệm của Đạo giáo thể giới vốn cấu thành bằng năm yếu tố. Năm màu của Đạo giáo không chỉ là màu, mà còn là những biểu tượng về màu sắc cho ngũ âm là cung (vàng), thương (trắng), giốc (xanh), chủy (đỏ), vũ (đen); cho ngũ hành là kim (trắng), mộc (xanh), thủy (đen), hỏa (đỏ), thổ (vàng); cho tứ đại là lửa (đỏ), đất (vàng), gió (trắng), nước (đen) và hợp đại (xanh); cho bốn mùa là xuân (xanh), hạ (đỏ), trưởng hạ (vàng), thu (trắng), đông (đen); cho năm vật biểu là Thanh long (xanh), Chu tước (đỏ), Kỳ lân (vàng), Bạch hổ (trắng), Huyền vũ (đen); cho ngũ phương là đông (xanh), nam (đỏ), trung tâm (vàng), tây (trắng), bắc (đen)...

Màu sắc trong tranh thờ của người Dao nói chung và ở Yên Bái nói riêng được vẽ theo lối sử dụng màu “ngũ nguyên sắc” của hội họa Trung Hoa cổ là hồng, hoàng, lam, bạch, hắc. Các họa công đã sử dụng các màu nguyên chất và các biến thể của từng màu có vận dụng yếu tố đậm nhạt của màu để diễn tả, không bị

ảnh hưởng bởi ánh sáng. Được dùng chủ đạo là ba màu hồng ở nền, đỏ và vàng được vẽ ở ngọn lửa thần quang, ở quần áo thụng dài các nhân vật, các mảng trang trí trên mũ áo khăn; Để tạo sự cân bằng về nóng lạnh trên tranh, màu lạnh như chàm, lam, xanh cây chỉ sử dụng trên một số mảng nhỏ mang tính điểm xuyên. Hòa sắc trên tranh thờ của người Dao có hòa sắc nóng do sử dụng nhiều màu nóng trên các mảng chiếm diện tích lớn, màu sắc dù vẽ nguyên nhưng được đặt trên nền giấy sẫm, có độ loang thấm cao, làm cho các màu bị chìm đi nhiều độ, tạo ra độ sâu thẳm của từng màu. Sự kết hợp này làm cho hiệu quả về tương quan màu sắc trở nên ăn nhập một cách nhẹ nhàng và ý nhị đã khiến các màu đỏ, hồng, vàng, lam, xanh cây tuy có độ đậm nhạt khác nhau, nhưng sự tương phản đậm nhạt không lớn, các màu lại cùng được chìm xuống, cho hiệu quả rõ nét về một hòa sắc trầm nóng và có chiều sâu. Tất cả các màu đều cũ đi theo cùng với thời gian, làm cho những bức tranh thờ có tương quan hòa quện với một hòa sắc trầm sâu, các màu như được trộn ngay trên bề mặt, lan tỏa tương đồng.

Kết luận

Nghiên cứu nghệ thuật tạo hình trong tranh thờ của dân tộc Dao ở Yên Bái là bổ sung khoảng trống trong nghiên cứu về tranh thờ của các tộc người miền núi Tây Bắc. Việc khai thác giá trị nghệ thuật tạo hình trong nền nghệ thuật dân gian là điều vô cùng cần thiết nhằm truyền lại cho những thế hệ trẻ tinh hoa của dân tộc, trong đó có những giá trị về hình ảnh, bố cục, đường nét, màu sắc đẹp đẽ, khơi gợi những ý tưởng mới mẻ cho học sinh sáng tạo nghệ thuật, thông qua giảng dạy học mỹ thuật tại Trường THCS Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội” hướng đến các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thẩm mỹ trong môn học mỹ thuật, rèn luyện cho học sinh những yếu tố ngôn ngữ tạo hình, kế thừa và phát huy những tinh hoa văn hóa dân tộc của cha ông để lại, để những giá trị tinh hoa không bị mai một mà ngày càng phồn thịnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tri Ân (2017, 2018), “Tôn giáo, tín ngưỡng và văn hóa của dân tộc Dao nhìn từ góc độ tranh thờ”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 490 (tháng 12/2017) và số 491 (tháng 1/2018, tr.48-54).
2. Đào Duy Anh (2000), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Trần Lâm Biền (2001), *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hóa dân tộc, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội.
4. Phụng Hằng Cao (chủ biên) (2015), *Nghiên cứu hội họa tranh thờ dân gian dân tộc Dao*, Nxb Dân tộc, Hà Nội.
5. Nguyễn Du Chi (2000), *Trên đường tìm về cái đẹp của cha ông*, Viện Mỹ thuật, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.